FireAnt

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (HNX: TTL)

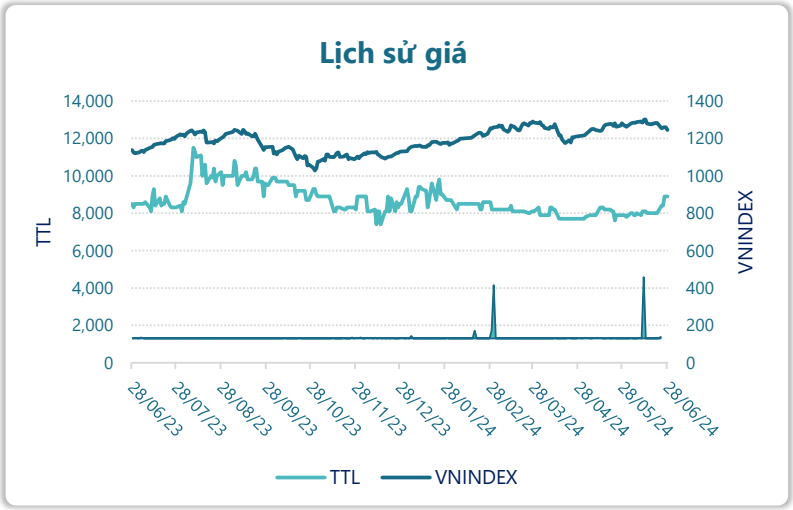

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
SL cổ phiếu LH	41,853,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,025
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	372
P/E	25.2
EPS	353

DT thuần

Q2/24

445

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 59.0| 15.3%

YoY: ▲ 20.0| 4.7%

LN sau thuế

Q2/24

2.73

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.71| -20.7%

YoY: ▼5.94| -68.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

4.4%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

6T 2024

832

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 110| 15.1%

LN sau thuế

6T 2024

6.17

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.83| -58.9%

ROE

Q2/24

2.3%

+/- YoY: ▲ 1.0%

Kết quả kinh doanh

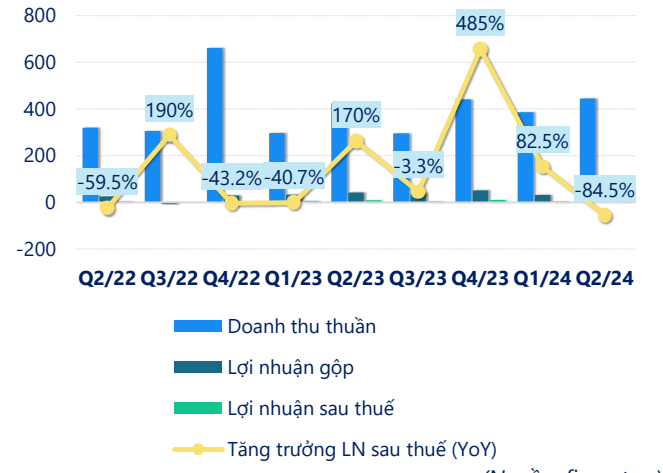

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

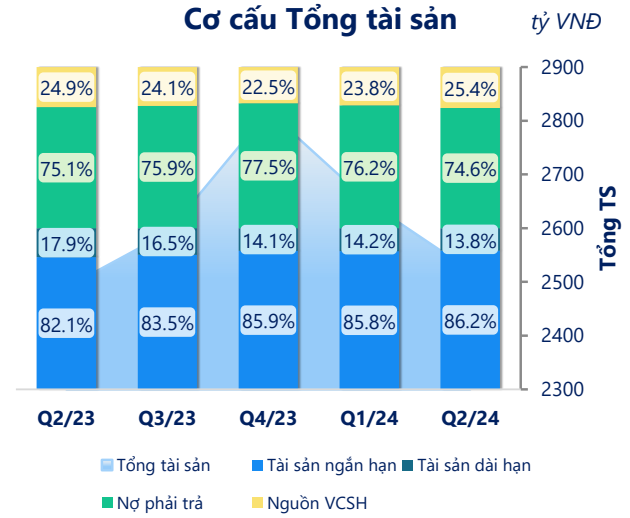

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

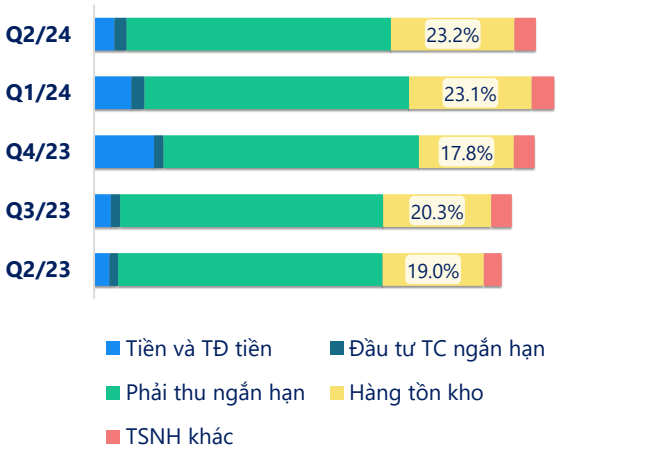

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

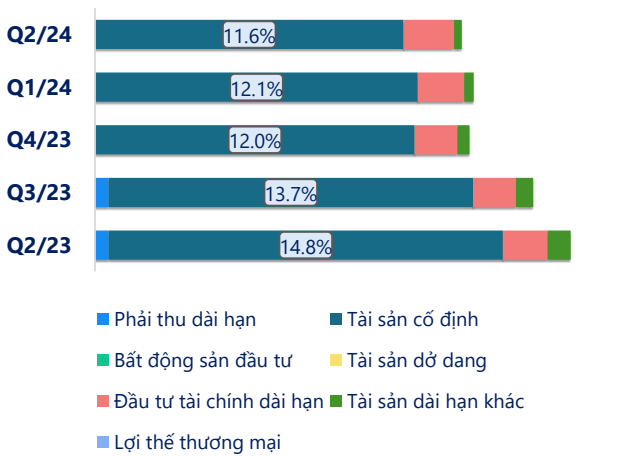

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

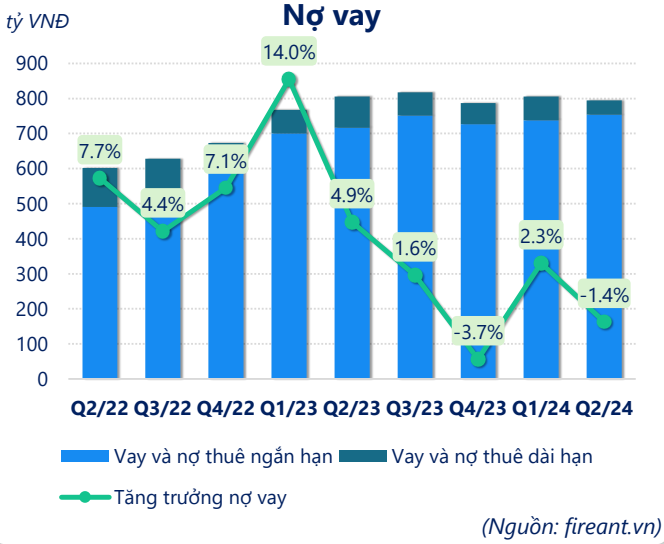

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

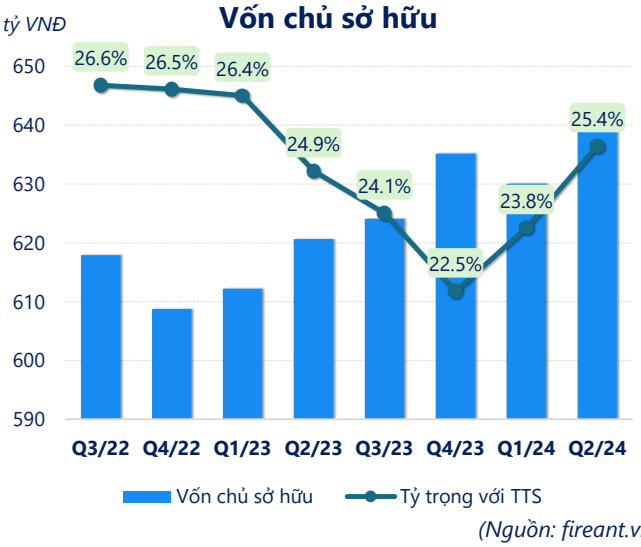

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

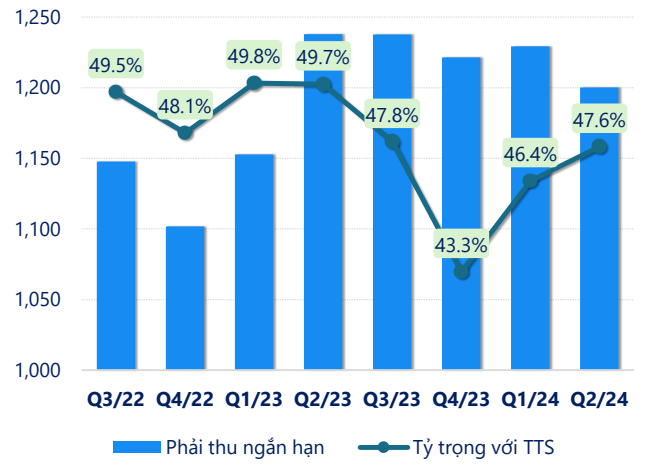

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

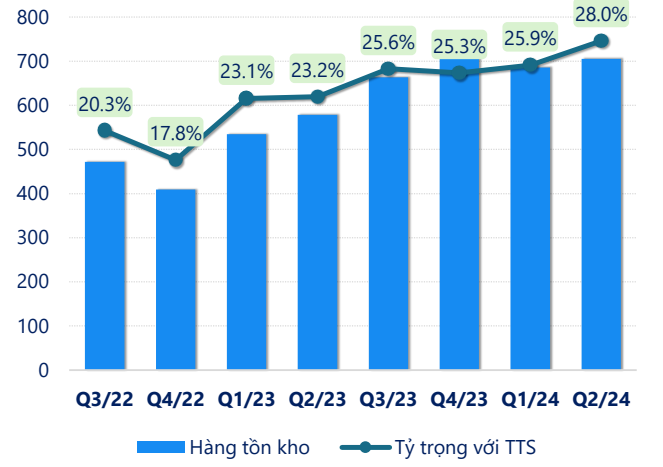

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

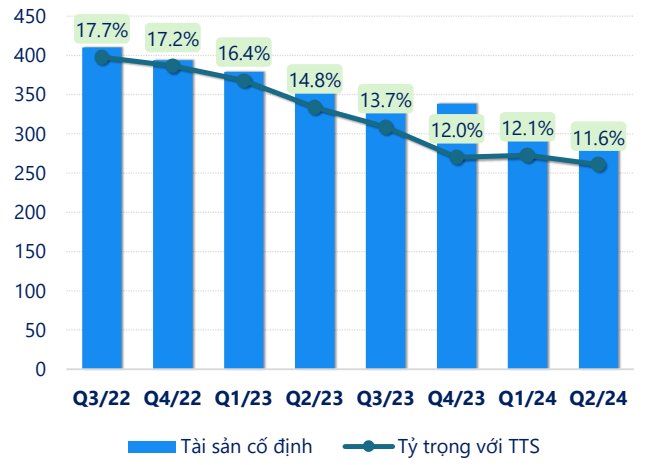

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

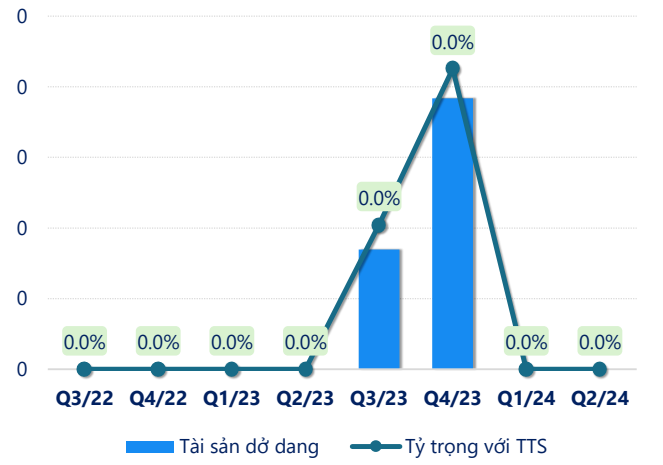

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

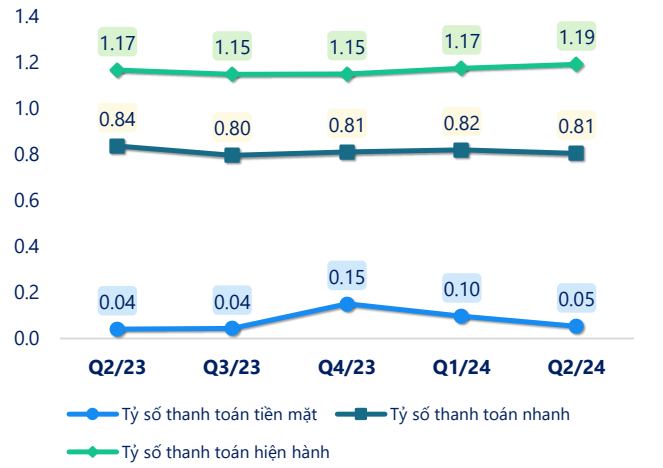

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

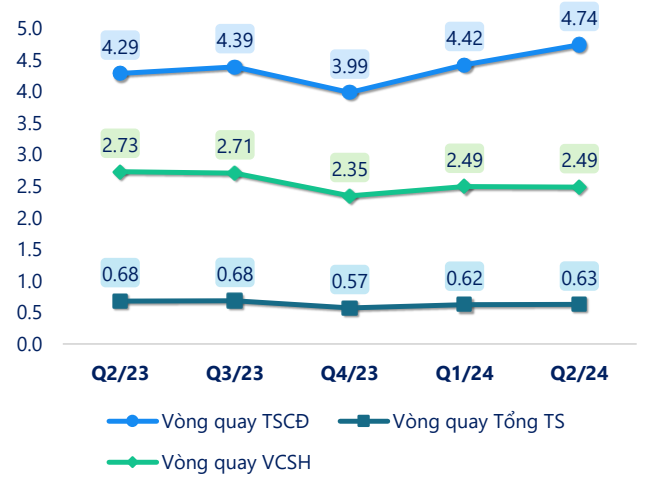

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**2,490**	**2,591**	**2,818**	**2,647**	**2,521**
Tài sản ngắn hạn	**2,044**	**2,164**	**2,421**	**2,270**	**2,173**
Tiền và tương đương tiền	71.5	82.1	318	186	96.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.0	77.0	61.2	59.2	58.2
Phải thu ngắn hạn	1,238	1,238	1,221	1,229	1,200
Hàng tồn kho	578	663	712	686	705
Tài sản ngắn hạn khác	99.5	104	109	110	113
Tài sản dài hạn	**446**	**427**	**397**	**377**	**348**
Phải thu dài hạn	12.7	13.1	0.36	0.36	0.12
Tài sản cố định	369	355	338	321	292
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.08	0.19	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	41.7	41.7	45.0	46.3	48.2
Tài sản dài hạn khác	21.8	16.9	13.0	9.55	7.29
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,869**	**1,967**	**2,183**	**2,017**	**1,880**
Nợ ngắn hạn	**1,752**	**1,884**	**2,106**	**1,933**	**1,824**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	717	751	726	737	754
Phải trả người bán ngắn hạn	429	396	416	360	385
Nợ dài hạn	118	82.8	77.4	84.3	56.7
Vay và nợ thuê dài hạn	88.5	66.8	61.1	68.3	40.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**621**	**624**	**635**	**630**	**641**
Vốn chủ sở hữu	**621**	**624**	**635**	**630**	**641**
Vốn điều lệ	419	419	419	419	419
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)